TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ VŨNG TÀU** **TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2025/HS-ST
Ngày: 18-02-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Hạnh Nguyên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Ngô Thị Thúy Hảo

2. Ông Nguyễn Văn Tám

- Thư ký phiên tòa: Ông Khuất Cao Hoàng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Văn Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 03/2025/TLST-HS ngày 08 tháng 01 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2025/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 02 năm 2025 đối với bị cáo:

Huỳnh Tấn T, sinh năm 1994 tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; nơi thường trú: B N, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đình L, sinh năm 1962 và bà Huỳnh Kim L1, sinh năm 1957; bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án: Ngày 24-4-2023, bị Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu xử phạt 15 tháng tù, về tội "Trộm cắp tài sản" theo Bản án hình sự sơ thẩm số 108/2023/HSST ngày 24-4-2023; chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 03-02-2024.

Tiền sự: Không.

Nhân thân: Bản án số 08/2014/HSST ngày 10-01-2014 của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu xử phạt 24 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", đã chấp hành xong hình phạt tù và được miễn thi hành án phí. Bản án số 84/2016/HSST ngày 20-5-2016 của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu xử phạt 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", chấp hành xong hình phạt tù và quyết định khác của bản án ngày 29-9-2016.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 29-10-2024, chuyển tạm giam từ ngày 01-11-2024. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố V *(có mặt)*.

- Bị hại:

1. Chị Đoàn Thị N, sinh năm 1987; nơi cư trú: B L, phường G, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu *(có mặt)*.

2. Chị Hoàng Thị Cẩm H1, sinh năm 1988; nơi cư trú: Căn hộ B Chung cư A đường T, phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu *(có mặt)*.

3. Chị Đỗ Thị H2, sinh năm 1976; nơi cư trú: 2 N, phường C, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu *(vắng mặt, có đơn xin vắng mặt)*.

4. Anh Ngô Xuân P, sinh năm 1996; nơi cư trú: A Đ, phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu *(có mặt)*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Huỳnh Tấn T là đối tượng không có nghề nghiệp ổn định; do cần tiền tiêu xài, phương tiện đi lại nên trong khoảng thời gian từ ngày 13-4-2024 đến 19-10-2024, T lợi dụng sự mất cảnh giác của người dân đã thực hiện 04 vụ trộm cắp tài sản; cụ thể:

- Vụ thứ nhất: Vào khoảng chiều ngày 13-4-2024, Huỳnh Tấn T đi bộ quanh khu vực B thuộc đường Q, phường A, thành phố V để tìm tài sản trộm cắp mang đi bán lấy tiền tiêu xài. Khi thấy chị Hoàng Thị Cẩm H1, điều khiển xe môtô hiệu Honda AirBlade, màu trắng, biển số 72K1-457.39 đến khu vực B thuộc đường Q; chị H1 để xe ở dưới lòng lề đường rồi đi xuống tắm biển. T bám theo phía sau chị H1 nên biết chị H1 để chìa khoá xe mô tô ở trong chiếc túi nylon đựng khăn tắm trên bãi cỏ, khi thấy chị H1 xuống tắm biển T liền đi đến lục lấy chìa khoá xe của chị H1 rồi đến chỗ xe mô tô biển số 72K1-457.39 khởi động máy điều khiển xe chạy đi. Sau khi chiếm đoạt tài sản, T mang bán chiếc xe mô tô trên cho người tên là M (không rõ nhân thân lai lịch) tại khu vực bến xe thành phố V với số tiền 3.000.000 đồng, T sử dụng số tiền này tiêu xài cá nhân.

Tại bản kết luận định giá số 175/KL-HĐĐG-TTHS ngày 12-12-2024 của Hội đồng định giá tài sản tố tụng hình sự kết luận xe mô tô biển số 72K1-457.39 vào thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị là 12.500.000 đồng.

- Vụ thứ hai: Vào khoảng 17 giờ ngày 02-6-2024, T đi đến khu vực B thuộc đường Q, phường A, thành phố V để lấy trộm tài sản. Khi thấy chị Đoàn Thị N điều khiển xe mô tô hiệu Honda Vision, màu đỏ, biển số 72C1-635.63 và để xe của mình ở dưới lòng lề đường rồi đi xuống tắm biển nên T bám theo phía sau và biết chỗ chị N để chìa khoá xe trong đôi dép gần khu vực vòi tắm nước ngọt ở bãi biển. T lén lút lấy trộm chìa khoá xe rồi đến chỗ xe mô tô biển số 72C1-635.63 khởi động máy điều khiển xe chạy đi. Sau khi chiếm đoạt tài sản, T mở cốp xe lấy 01 điện thoại di động hiệu Oppo A5 và số tiền 4.000.000 đồng. Sau đó, T bán chiếc xe mô tô và chiếc điện thoại trên cho người tên là M (không rõ nhân thân lai lịch) tại khu vực bến xe thành phố V với số tiền 2.900.000 đồng (xe mô tô được 2.000.000 đồng, điện thoại được 900.000 đồng); số tiền này T đã tiêu xài cá nhân.

Tại bản kết luận định giá số 174/KL- HĐĐG-TTHS ngày 12-12-2024 Hội đồng định giá tài sản tố tụng hình sự kết luận xe mô tô biển số 72C1-635.63 tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị là 6.500.000 đồng; điện thoại di động hiệu Oppo A5 có giá trị là

3.500.000 đồng. Tổng tài sản mà T chiếm đoạt của chị Đoàn Thị N là 14.000.000 đồng.

- Vụ thứ ba: Vào khoảng 06 giờ ngày 13-10-2024, T tiếp tục đi bộ đến khu vực B thuộc đường Q, phường A, thành phố V để lấy trộm tài sản. Khi thấy chị Đỗ Thị H2 cùng với với chồng là Ngô Đăng H3 đi xe mô tô hiệu Honda Vision, màu vàng nâu, biển số 72C2-285.01 đỗ xe ở dưới lòng lề để tắm biển. T đi theo phía sau và biết nơi chị H2 để chìa khoá xe trong đôi dép nhựa màu xanh trên bờ kè gần sát phía bờ biển. Lợi dụng việc gia đình chị H2 xuống tắm biển, T đã lén lút lấy trộm chìa khoá rồi điều khiển xe mô tô 72C2-285.01 chạy đi. Sau khi chiếm đoạt tài sản, T sử dụng chiếc xe mô tô này để làm phương tiện đi lại.

Theo kết luận định giá tài sản số 176/KL-HĐĐG-TTHS ngày 12-12-2024 của hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận xe mô tô biển số 72C2-285.01 tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị là 15.500.000 đồng.

- Vụ thứ tư: Vào khoảng 18 giờ 30 phút ngày 19-10-2024, T tiếp tục đi bộ đến khu vực B thuộc đường Q, phường A, thành phố V để trộm cắp tài sản. Khi thấy anh Ngô Xuân P điều khiển xe mô tô hiệu Honda Vision màu xanh biển số 72C2-111.67 để dưới lòng lề đường, chìa khoá xe anh P để trong hộc bên trái xe mô tô của mình rồi đi vào công viên chơi. T lén lút đi đến lấy chìa khoá xe rồi khởi động máy điều khiển xe chạy đi. Đến ngày 21-10-2024, T bán chiếc xe trên cho người tên là M (không rõ nhân thân lai lịch) với số tiền 2.000.000 đồng, T sử dụng số tiền tiêu xài cá nhân.

Theo kết luận định giá tài sản số 173/KL-HĐĐG-TTHS ngày 12-12-2024 của hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận xe mô tô biển số 72C2-111.67 tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị là 10.500.000 đồng.

* Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố V, Huỳnh Tấn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội nêu trên.

* Vật chứng thu giữ và xử lý:

- Đối với 03 chiếc xe mô tô mang biển số 72K1-457.39, 72C1-635.63, 72C2-111.67; 01 điện thoại di động hiệu Oppo A5 và số tiền 4.000.000 đồng; T đã bán xe và điện thoại cho người không rõ nhân thân, lai lịch và tiêu xài cá nhân nên không thu hồi được.

- Đối với 01 chiếc xe mô tô 72C2-285.01 do chị Đỗ Thị H2 đứng tên chủ sơ hữu. Ngày 23-12-2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thanh phố V đã ra quyết định xử lý vật chứng trao trả lại chiếc xe mô tô trên cho chị H2.

* Về trách nhiệm dân sự:

- Chị Hoàng Thị Cẩm H1 yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 12.500.000 đồng, chị Đoàn Thị N yêu cầu bồi thường số tiền 25.000.000 đồng, anh Ngô Xuân P yêu cầu bồi thường số tiền 25.000.000 đồng.

- Chị Đỗ Thị H2 đã nhận lại được tài sản nên không có yêu cầu bồi thường hay yêu cầu gì khác.

Tại Bản cáo trạng số 17/CT-VKSVT ngày 07-01-2025 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu đã truy tố bị cáo Huỳnh Tấn T về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Huỳnh Tấn T về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

+ Về hình phạt, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Huỳnh Tấn T từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm 06 tháng tù.

+ Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và các bị hại, bị cáo Huỳnh Tấn T có nghĩa vụ bồi thường cho chị Hoàng Thị Cẩm H1 số tiền 20.00.000đ, bồi thường cho chị Đặng Thị N1 số tiền 25.000.000đ và bồi thường cho anh Ngô Xuân P số tiền 18.000.000đ. Chị H2 đã nhận lại tài sản và không yêu cầu nên không xem xét.

- Bị cáo đã thành khẩn khai báo, thừa nhận hành vi phạm tội và thống nhất với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Bị cáo nhận thức hành vi phạm tội của mình là vi phạm pháp luật và ăn năn hối cải về hành vi của mình, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố V, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, tài liệu chứng cứ thu thập đều hợp pháp.

[2] Về tội danh và điều luật áp dụng: Lời khai nhận tội của bị cáo Huỳnh Tấn T tại phiên tòa là khách quan, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác, Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở kết luận:

Bị cáo Huỳnh Tấn T là lao động tự do, không có nghề nghiệp ổn định, do cần tiền tiêu xài nên trong khoảng thời gian từ tháng 4-2024 đến tháng 10-2024; tại khu vực B thuộc đoạn đường Q, phường A, thành phố V, T đã lợi dụng sơ hở của người dân và thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản, cụ thể:

- Vào khoảng chiều ngày 13-4-2024, T đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 chiếc xe mô tô hiệu Honda AirBlade, màu trắng, biển số 72K1-457.39 của chị Hoàng Thị Cẩm H1. Giá trị tài sản tại thời điểm chiếm đoạt là 12.500.000 đồng.

- Vào khoảng 17 giờ 00 phút ngày 02-6-2024, T đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 mô tô hiệu Honda Vision, màu đỏ, biển số 72C1-635.63; 01 điện thoại di động hiệu Oppo A5 và số tiền 4.000.000 đồng của chị Đoàn Thị N. Giá trị tài sản tại tại thời điểm chiếm đoạt đối với chiếc xe mô tô là 6.500.000 đồng và điện thoại là

3.500.000 đồng. Tổng tài sản mà T chiếm đoạt của chị Đoàn Thị N là 14.000.000 đồng.

- Vào khoảng 06 giờ 00 phút ngày 13-10-2024, T đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 chiếc xe mô tô hiệu Honda Vision, màu vàng – nâu, biển số 72C2-285.01 của chị Đỗ Thị H2. Giá trị tài sản tại thời điểm chiếm đoạt là 15.500.000 đồng.

- Vào khoảng 18 giờ 30 phút ngày 19-10-2024, T đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 chiếc xe mô tô hiệu Honda Vision, màu xanh, biển số 72C2-111.67 của anh Ngô Xuân P. Giá trị tài sản tại tại thời điểm chiếm đoạt là 10.500.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản mà Huỳnh Tấn T chiếm đoạt của 04 người bị hại là 52.500.000 đồng.

Như vậy, hành vi của bị cáo Huỳnh Tấn T đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" với tình tiết định khung tăng nặng "Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự như Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu đã truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác mà còn gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi của mình là trái pháp luật nhưng vẫn phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Do vậy, cần phải xử lý nghiêm bị cáo bằng pháp luật hình sự để răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy:

[4.1] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo T phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Phạm tội 02 lần trở lên" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, năm 2023, bị cáo bị Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu xử phạt 15 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo Bản án hình sự sơ thẩm số 108/2023/HSST ngày 24-4-2023; chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 03-02-2024, chưa được xóa án tích. Do vậy, lần phạm tội này bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Tái phạm" quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[4.2] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo T thành khẩn khai báo và tỏ thái độ ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4.3] Về nhân thân: Bị cáo Huỳnh Tấn T là đối tượng có nhân thân rất xấu và có 01 tiền án vào năm 2023, bị cáo bị Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu xử phạt 15 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo Bản án hình sự sơ thẩm số 108/2023/HSST ngày 24-4-2023; chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 03-02-2024, chưa được xóa án tích. Trước đó, vào năm 2014, bị cáo bị Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu xử phạt 24 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo Bản án số 08/2014/HSST ngày 10-01-2014. Năm 2016, bị cáo tiếp tục bị Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu xử phạt 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo Bản án số 84/2016/HSST ngày 20-5-2016, chấp

hành xong hình phạt tù ngày 29-9-2016. Tuy nhiên, bị cáo không lấy đó làm bài học để sửa đổi bản thân mà tiếp tục thực hiện nhiều vụ trộm cắp tài sản. Điều này cho thấy bị cáo là người coi thường pháp luật, khó giáo dục cải tạo; mặc dù bị cáo biết hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng do thiếu ý thức tu dưỡng, lười lao động, thích hưởng thụ nên bị cáo đã bất chấp hậu quả để thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, cần phải có mức hình phạt nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân lương thiện, có ích cho xã hội như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu là phù hợp.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo Huỳnh Tấn T không có nghề nghiệp ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên tòa, chị Hoàng Thị Cẩm H1 yêu cầu bị cáo bồi thường giá trị chiếc xe mô tô hiệu Honda AirBlade, màu trắng, biển số 72K1-457.39 số tiền là 20.000.000 đồng. Chị Đoàn Thị N yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 25.000.000đ là tổng giá trị các tài sản mà T chiếm đoạt bao gồm chiếc xe mô tô hiệu Honda Vision, màu đỏ, biển số 72C1-635.63; 01 điện thoại di động hiệu Oppo A5 và số tiền 4.000.000 đồng. Anh Ngô Xuân P yêu cầu bị cáo bồi thường giá trị chiếc xe mô tô hiệu Vision, màu xanh, biển số 72C2-111.67 số tiền là 25.000.000 đồng.

Xét thấy, bị cáo đồng ý bồi thường thiệt hại theo như yêu cầu của các bị hại; việc thỏa thuận giữa bị cáo và các bị hại là tự nguyện nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Do đó, bị cáo T phải có nghĩa vụ bồi thường cho chị H1 số tiền 20.000.000đ, bồi thường cho chị N số tiền 25.000.000đ và bồi thường cho anh P số tiền 18.000.000đ.

Chị Đỗ Thị H2 đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về vật chứng:

- Đối với 03 chiếc xe mô tô mang biển số 72K1-457.39, 72C1-635.63, 72C2-111.67; 01 điện thoại di động hiệu Oppo A5 và số tiền 4.000.000 đồng; T đã bán 03 chiếc xe và điện thoại nêu trên cho người không rõ nhân thân, lai lịch và dùng tiền để tiêu xài cá nhân nên không thu hồi được; do đó không xem xét xử lý.

- Đối với 01 chiếc xe mô tô 72C2-285.01 do chị Đỗ Thị H2 đứng tên chủ sở hữu. Ngày 23-12-2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố V đã ra quyết định xử lý vật chứng trao trả lại chiếc xe mô tô trên cho chị H2 là đúng quy định.

[8] Các nội dung có liên quan khác: Đối với đối tượng tên M (không rõ nhân thân lai lịch) là người mua tài sản do Huỳnh Tấn T phạm tội mà có, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố V tiếp tục xác minh làm rõ xử lý theo quy định.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Huỳnh Tấn T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Huỳnh Tấn T 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29-10-2024.

2. Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 589 Bộ luật Dân sự: Bị cáo Huỳnh Tấn T có nghĩa vụ bồi thường cho chị Hoàng Thị Cẩm H1 số tiền 20.000.000đ *(Hai mươi triệu đồng)*, bồi thường cho chị Đặng Thị N1 số tiền 25.000.000đ *(Hai mươi lăm triệu đồng)* và bồi thường cho anh Ngô Xuân P số tiền 18.000.000đ *(Mười tám triệu đồng)*.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; bị cáo phải chịu 200.000đ *(Hai trăm ngàn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm và 3.150.000đ *(Ba triệu, một trăm năm mươi ngàn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo; bị hại được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nếu vắng mặt thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND thành phố Vũng Tàu;
- Công an thành phố Vũng Tàu;
- CCTHADS thành phố Vũng Tàu;
- Sở Tư pháp tỉnh BR-VT;
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- PV06 Công an tỉnh BR-VT;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Hồ Hạnh Nguyên

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Tám **Ngô Thị Thúy Hảo** **Hồ Hạnh Nguyên**